TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

2. Bà Nguyễn Thị Tố Linh;

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Bùi Tuyết Hân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà:*** Bà Võ Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 29/TABT-TGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc S, sinh năm 1987; có mặt

Địa chỉ: Số nhà A, B, khu phố D, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Â, sinh năm 1961; vắng mặt

Quốc tịch: Canada;
Nơi cư trú: 362 Cope St. H, On L8H E Canada;
Hộ chiếu: WL 769524. Ngày cấp: 03/9/2009. Nơi cấp: Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Khoảng giữa năm 2009, bà Trương Thị Ngọc S và ông Huỳnh Â quen biết, tìm hiểu nhau. Tháng 12 năm 2009 bà Trương Thị Ngọc S và ông Huỳnh Â đi đến hôn nhân, và được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2010, ngày đăng ký 08/02/2010. Sau khi kết hôn, bà Trương Thị Ngọc S và ông Huỳnh Â chung sống với nhau tại khu phố D, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, chỉ khoảng thời gian 01 tháng chung sống thì ông Huỳnh Â quay về Canada. Khi quay về Canada, ông Huỳnh Â có hứa sẽ làm thủ tục bảo lãnh bà Trương Thị Ngọc S sang Canada chung sống đoàn tụ. Đến năm 2015, bà Trương Thị Ngọc S và ông Huỳnh Ân m liên lạc với nhau. Từ đó đến nay bà S đã tìm mọi cách nhưng không thể liên lạc được với ông Huỳnh Ân . Theo thông tin từ bạn bè, bà Trương Thị Ngọc S biết được ông Huỳnh Â vẫn còn ở địa chỉ ghi trên hộ chiếu. Nhận thấy vợ chồng xa cách quá lâu, tình cảm vợ chồng không được gắn kết cũng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng gì đối với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai.

Nay bà Trương Thị Ngọc S yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh Ân .

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Tòa án đã thực hiện các biện pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 474, khoản 4 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Huỳnh Â không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà Trương Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Â là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt:

Tòa án đã thực hiện các biện pháp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 474, khoản 4 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Huỳnh Â vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Trương Thị Ngọc S và ông Huỳnh Ân sống với nhau có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh B đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 28/2010 ngày 08/02/2010; đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Trương Thị Ngọc S và ông Huỳnh Â kết hôn tự nguyện nhưng hai bên chỉ chung sống thời gian ngắn. Từ năm 2015 đến nay ông Huỳnh Â và bà Trương Thị Ngọc S mất liên lạc với nhau. Từ đó đến nay bà S đã tìm mọi cách nhưng không thể liên lạc được với ông Huỳnh Ân . Giữa bà Trương Thị Ngọc S và ông Huỳnh Â không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, người nào chỉ biết bổn phận người đó; Cuộc sống chung vợ chồng giữa bà Trương Thị Ngọc S và ông Huỳnh Â đã không còn tồn tại, hai bên không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Trương Thị Ngọc S yêu cầu ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo khoản 4 Điều 147, Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 147, Điều 153, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc S. Bà Trương Thị Ngọc S được ly hôn với ông Huỳnh Ân .

2. Về án phí:

- Bà Trương Thị Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009577 ngày 06/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà Trương Thị Ngọc S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trương Thị Ngọc S phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0008941 ngày 29/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà Trương Thị Ngọc S đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục T.H.A.D.S tỉnh Bình Thuận;
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Hùng